

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh báo cáo tài chính	16 - 40

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 123/GP-UBCK, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016, điều chỉnh theo giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017, và giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 cấp bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation, Hàn Quốc (Công ty mẹ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 22, tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng Thành viên (HĐTV) của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Chung Whan	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
Ông Jeong Man Ki	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2017
		Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017
Ông Jeong Donyeong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Kwon Hyuk Jun	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Han Bok Hee	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017
Ông Trương Huy Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 10 năm 2017

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Kwon Hyuk Jun	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2017
Ông Jeong Man Ki	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 10 năm 2017
Ông Kang Sang In	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2017
	Giám đốc Khối Văn phòng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2017
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2016
		Miễn nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Nhật Linh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm chính thức ngày 1 tháng 3 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 12 tháng 10 năm 2017 là ông Jeong Man Ki, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong giai đoạn từ ngày 12 tháng 10 năm 2017 đến ngày lập báo cáo tài chính này là ông Kwon Hyuk Jun, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đại diện Ban Tổng Giám đốc: 

Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Số tham chiếu: 61281867/19517568

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam ("Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 - Thay đổi trong các chính sách kế toán. Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015") với hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, khi xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể được xác định lại một cách đáng tin cậy. Công ty đã áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở phi hồi tố.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1



Hồ Nguyên Thanh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3459-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (phân loại lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		760.330.727.757	109.428.566.995
110	I. Tài sản tài chính		759.123.757.674	109.272.662.744
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	168.136.490.180	5.859.064.386
111.1	1.1. Tiền		1.136.490.180	1.859.064.386
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		167.000.000.000	4.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	6	586.504.875.450	100.638.353.650
117	3. Các khoản phải thu	7	2.643.129.176	2.761.801.457
117.2	3.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.643.129.176	2.761.801.457
117.4	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.643.129.176	2.761.801.457
118	4. Trả trước cho người bán		1.494.095.001	-
119	5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	331.489.615	-
122	6. Các khoản phải thu khác		13.678.252	13.443.251
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		1.206.970.083	155.904.251
131	1. Tạm ứng		145.920.000	-
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	746.053.970	155.904.251
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		314.996.113	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.015.062.616	27.805.011.458
220	I. Tài sản cố định		26.205.973.828	26.531.044.545
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.260.288.148	13.979.615.645
222	1.1. Nguyên giá		24.375.875.509	20.961.626.429
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(9.115.587.361)	(6.982.010.784)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	10.945.685.680	12.551.428.900
228	2.1. Nguyên giá		14.496.285.600	14.496.285.600
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.550.599.920)	(1.944.856.700)
250	III. Tài sản dài hạn khác		809.088.788	1.273.966.913
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	12	531.780.000	959.767.500
252	2. Chi phí trả trước dài hạn		12.800.569	64.124.365
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	264.508.219	250.075.048
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		787.345.790.373	137.233.578.453

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		754.645.609	2.527.163.364
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		754.645.609	2.527.163.364
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		8.099.440	1.045.634
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn		-	1.740.400.000
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	338.862.538	318.055.705
323	4. Phải trả người lao động		226.435.000	188.720.312
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	13.002.800
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn		163.293.596	257.242.213
326	7. Phải trả nội bộ ngắn hạn		17.955.035	8.696.700
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		786.591.144.764	134.706.415.089
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	786.591.144.764	134.706.415.089
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		812.600.000.000	146.000.000.000
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		812.600.000.000	146.000.000.000
417	2. Lỗ lũy kế		(26.008.855.236)	(11.293.584.911)
417.1	2.1. Lỗ đã thực hiện		(26.010.301.628)	(11.293.277.207)
417.2	2.2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		1.446.392	(307.704)
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		787.345.790.373	137.233.578.453

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A.TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT (số lượng chứng khoán)			
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của công ty chứng khoán		195	202
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (VND)			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư	16.1	95.251.830.000	63.125.250.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		95.220.330.000	3.125.250.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		-	60.000.000.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		31.500.000	-
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư	16.2	10.000	10.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		10.000	10.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	16.3	525.600.000	300.000

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	Tiền gửi của nhà đầu tư	16.4	526.334.613	407.596.463
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	16.4	255.490.413	403.768.463
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	16.4	270.844.200	3.828.000
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		59.517.000	3.828.000
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		211.327.200	-
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	16.5	522.100.273	403.362.123
031.1	- Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		91.654.389	22.555.805
031.2	- Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		430.445.884	380.806.318
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	16.5	4.234.340	4.234.340

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		5.299.292.219	4.720.543.648
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		91.404	900.000
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.754.096	-
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	17	5.297.446.719	4.719.643.648
03	2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		-	593.923
06	3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		168.251.032	114.792.950
09	4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		31.200.072	9.120.492
10	5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	18	3.277.157.975	-
11	6. Thu nhập hoạt động khác		27.175.423	26.125.286
20	Cộng doanh thu hoạt động		8.803.076.721	4.871.176.299
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		-	(307.704)
21.2	1.1 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		-	(307.704)
27	2. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	19	(6.996.050.226)	(2.408.563.488)
30	3. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(39.925.607)	(43.008.505)
31	4. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	20	(2.118.093.469)	-
32	5. Chi phí hoạt động khác		(71.500)	(737.800)
40	Cộng chi phí hoạt động		(9.154.140.802)	(2.452.617.497)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái		205.780	-
42	2. Doanh thu lãi tiền gửi không có định		6.439.463	125.055.701
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		6.645.243	125.055.701
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái		(109.643.068)	(19.134.314)
60	Cộng chi phí tài chính		(109.643.068)	(19.134.314)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ	21	(14.041.994.455)	(16.798.972.984)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(14.496.056.361)	(14.274.492.795)
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		1.002.373	40.636.675
72	2. Chi phí khác		(220.216.337)	(14.878.658)
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(219.213.964)	25.758.017
90	VIII. LỖ TRƯỚC THUẾ		(14.715.270.325)	(14.248.734.778)
91	1. Lỗ đã thực hiện		(14.716.747.717)	(14.248.427.074)
92	2. Lợi nhuận/ (lỗ) chưa thực hiện		1.477.392	(307.704)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	22	-	-
200	X. LỖ SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		(14.715.270.325)	(14.248.734.778)
400	TỔNG LỖ TOÀN DIỆN		(14.715.270.325)	(14.248.734.778)

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (phân loại lại) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lỗ trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(14.715.270.325)	(14.248.734.778)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		1.151.125.615	(1.281.109)
03	Khấu hao tài sản cố định		3.794.254.791	2.616.507.970
08	Dự thu tiền lãi		(2.643.129.176)	(2.617.789.079)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		220.215.926	307.704
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		-	307.704
17	Lỗ khác		220.215.926	-
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(2.754.096)	-
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(1.754.096)	-
21	Lãi khác		(1.000.000)	-
30	Thay đổi vốn lưu động		(487.287.491.326)	(69.807.211.720)
31	Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(485.864.767.704)	(68.636.820.754)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		2.761.801.457	-
37	Tăng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(331.489.615)	-
39	(Tăng)/giảm các khoản phải thu khác		(235.001)	37.310.918
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(1.541.456.785)	4.697.982.172
41	(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(93.948.617)	194.242.213
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(538.825.923)	705.399.740
45	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(1.740.400.000)	1.654.478.634
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(13.002.800)	(704.730)
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp nhà nước		20.806.833	311.563.983
48	Tăng phải trả người lao động		37.714.688	188.720.312
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		16.312.141	(8.959.384.208)
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(500.634.174.206)	(84.056.919.903)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(3.689.400.000)	(14.768.827.980)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		1.000.000	-
70	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.688.400.000)	(14.768.827.980)

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Nhận vốn góp của chủ sở hữu		666.600.000.000	8.955.149.867
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		666.600.000.000	8.955.149.867
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG NĂM		162.277.425.794	(89.870.598.016)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	4	5.859.064.386	95.729.662.402
101.1	Tiền		1.859.064.386	93.329.662.402
101.2	Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	2.400.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	4	168.136.490.180	5.859.064.386
103.1	Tiền		1.136.490.180	1.859.064.386
103.2	Các khoản tương đương tiền		167.000.000.000	4.000.000.000

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		12.900.535.600	14.415.233.800
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(19.839.464.500)	(42.971.485.900)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		7.057.667.050	28.865.359.110
20	Tăng tiền thuần trong năm		118.738.150	309.107.010
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	16.4	407.596.463	98.489.453
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		403.768.463	98.489.453
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.828.000	-
	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	16.4	526.334.613	407.596.463
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		255.490.413	403.768.463
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		270.844.200	3.828.000

Người lập và kiểm soát:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Số đầu năm (VND)		Thay đổi trong năm (VND)				Số cuối năm (VND)	
	Ngày 01/01/2016	Ngày 01/01/2017	Năm trước		Năm nay		Ngày 31/12/2016	Ngày 31/12/2017
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	140.000.000.000	146.000.000.000	6.000.000.000	-	666.600.000.000	-	146.000.000.000	812.600.000.000
- Vốn pháp định	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn bổ sung	5.000.000.000	11.000.000.000	6.000.000.000	-	666.600.000.000	-	11.000.000.000	677.600.000.000
2. Lỗ lũy kế	-	(11.293.584.911)	2.955.149.867	(14.248.734.778)	-	(14.715.270.325)	(11.293.584.911)	(26.008.855.236)
Tổng cộng	140.000.000.000	134.706.415.089	8.955.149.867	(14.248.734.778)	666.600.000.000	(14.715.270.325)	134.706.415.089	786.591.144.764

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ đã góp vốn bổ sung là 666.600.000.000 đồng để tăng vốn điều lệ của Công ty lên 812.600.000.000 đồng theo Giấy phép số 62/GPDC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty.

Người lập và phê duyệt:



Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người lập và phê duyệt:



Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (Công ty), trước đây có tên gọi là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An, được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 123/GP-UBCK, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 2 năm 2016, điều chỉnh theo giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 10 năm 2017, và giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 cấp bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty được sở hữu 100% bởi Công ty Shinhan Investment Corporation, Hàn Quốc (Công ty mẹ).

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 22, tòa nhà Centec, số 72-74 đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 26 người (31 tháng 12 năm 2016: 17 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 812.600.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 786.591.144.764 VND, tổng tài sản là: 787.345.790.373 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là sử dụng vốn hiệu quả nhằm gia tăng lợi nhuận; phát triển công ty ngày càng lớn mạnh; đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và các hoạt động cộng đồng nhằm hướng đến mục tiêu chung phát triển bền vững và thịnh vượng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong chính sách kế toán*

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán 2015”). Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán 2015 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Theo đó, một số tài sản tài chính được ghi nhận như sau:

- ▶ Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản chênh lệch (lãi hoặc lỗ) phát sinh từ việc thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Chênh lệch phát sinh từ thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính AFS (thu nhập toàn diện khác) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu – chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” của báo cáo tình hình tài chính và báo cáo tình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở phi hồi tố theo Luật Kế toán 2015.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

3.4 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động - Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí quản lý" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Máy móc, thiết bị	8 năm
Thiết bị văn phòng	8 năm
Phần mềm tin học	8 năm
Tài sản vô hình khác	8 năm

3.9 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn (4) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Lợi ích của nhân viên*

3.12.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% (đến ngày 31 tháng 5 năm 2017) và 17,5% (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017) lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.12.2 *Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra*

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

3.16 *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Vốn chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ Công ty mẹ được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo giá gốc.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo quyết định của chủ sở hữu.

3.18 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền	1.136.490.180	1.859.064.386
Tiền mặt tại quỹ	519.000	-
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	1.135.971.180	1.859.064.386
Các khoản tương đương tiền	167.000.000.000	4.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	167.000.000.000	4.000.000.000
	<u>168.136.490.180</u>	<u>5.859.064.386</u>

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	13	323.700
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	56.566.711	87.222.687.000
	<u>56.566.724</u>	<u>87.223.010.700</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm (phân loại lại)		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị đánh giá lại VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Shinhan Việt Nam	366.500.000.000	366.500.000.000	80.635.000.000	80.635.000.000	80.635.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	220.000.000.000	220.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cổ phiếu niêm yết	3.429.058	4.875.450	3.661.354	3.417.296	3.353.650
	586.503.429.058	586.504.875.450	100.638.661.354	100.638.417.296	100.638.353.650

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 13 tháng và được hưởng lãi suất từ 4,3%/năm đến 6,8%/năm.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		
Dự thu lãi tiền gửi	<u>2.643.129.176</u>	<u>2.761.801.457</u>

8. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động	328.580.358	-
Phải thu phí dịch vụ khác	<u>2.909.257</u>	-
	<u>331.489.615</u>	-

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phí bảo trì phần mềm, hệ thống	664.913.062	-
Phí thuê bao dữ liệu qua phần mềm FiinPro Platform	32.400.000	35.640.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>48.740.908</u>	<u>120.264.251</u>
	<u>746.053.970</u>	<u>155.904.251</u>

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản có định hữu hình trong năm hiện hành như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.289.081.100	10.021.776.992	9.650.768.337	20.961.626.429
Mua trong năm	-	-	3.689.400.000	3.689.400.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(275.150.920)	(275.150.920)
Số cuối năm	1.289.081.100	10.021.776.992	13.065.017.417	24.375.875.509
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	773.448.660	1.637.800.397	4.570.761.727	6.982.010.784
Khấu hao trong năm	128.908.116	1.232.862.504	826.740.951	2.188.511.571
Thanh lý, nhượng bán	-	-	54.934.994	(54.934.994)
Số cuối năm	902.356.776	2.870.662.901	5.342.567.684	9.115.587.361
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	515.632.440	8.383.976.595	5.080.006.610	13.979.615.645
Số cuối năm	386.724.324	7.151.114.091	7.722.449.733	15.260.288.148

Nguyên giá tài sản có định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.788.205.107 VND (31 tháng 12 năm 2016: 3.788.205.107 VND).

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm hiện hành như sau:

	<i>Quyền sử dụng đất VND</i>	<i>Phần mềm tin học VND</i>	<i>Tài sản vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá				
Số đầu năm	314.420.000	14.097.665.600	84.200.000	14.496.285.600
Số cuối năm	314.420.000	14.097.665.600	84.200.000	14.496.285.600
Hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	-	1.860.656.700	84.200.000	1.944.856.700
Hao mòn trong năm	-	1.605.743.220	-	1.605.743.220
Số cuối năm	-	3.466.399.920	84.200.000	3.550.599.920
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	314.420.000	12.237.008.900	-	12.551.428.900
Số cuối năm	314.420.000	10.631.265.680	-	10.945.685.680

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.318.136.000 VND (31 tháng 12 năm 2016: 1.318.136.000 VND).

12. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỘC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	516.780.000	839.767.500
Ký quỹ taxi Mai Linh	15.000.000	-
Đặt cọc thuê nhà	-	120.000.000
	531.780.000	959.767.500

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	144.508.219	130.075.048
	264.508.219	250.075.048

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<i>Phát sinh trong năm</i>			<i>Số cuối năm VND</i>
	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Số phải nộp VND</i>	<i>Số đã nộp VND</i>	
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	313.626.408	1.479.100.738	(1.464.042.496)	328.684.650
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	4.429.297	31.188.242	(30.318.200)	5.299.339
Thuế giá trị gia tăng	-	111.042.642	(111.042.642)	-
Thuế nhà thầu	-	84.533.056	(79.654.507)	4.878.549
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	318.055.705	1.708.864.678	(1.688.057.845)	338.862.538

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	812.600.000.000	146.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	812.600.000.000	146.000.000.000
Lỗ lũy kế	(26.008.855.236)	(11.293.584.911)
Lỗ đã thực hiện	(26.010.301.628)	(11.293.277.207)
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	1.446.392	(307.704)
	786.591.144.764	134.706.415.089

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ đã góp vốn bổ sung là 666.600.000.000 đồng để tăng vốn điều lệ của Công ty lên 812.600.000.000 đồng theo Giấy phép số 62/GPDC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

16.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	95.220.330.000	3.125.250.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	-	60.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	31.500.000	-
	95.251.830.000	63.125.250.000

16.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	10.000	10.000

16.3 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	525.600.000	300.000

16.4 Tiền gửi của nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	255.490.413	403.768.463
Của nhà đầu tư trong nước	36.371.729	22.962.145
Của nhà đầu tư nước ngoài	219.118.684	380.806.318
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	270.844.200	3.828.000
Của nhà đầu tư trong nước	59.517.000	3.828.000
Của nhà đầu tư nước ngoài	211.327.200	-
	526.334.613	407.596.463

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

16. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

16.5 Phải trả nhà đầu tư công ty chứng khoán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	522.100.273	403.362.123
Cửa nhà đầu tư trong nước	91.654.389	22.555.805
Cửa nhà đầu tư nước ngoài	430.445.884	380.806.318
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.234.340	4.234.340
	526.334.613	407.596.463

17. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức	50.000	182.500
Lãi tiền gửi	5.297.396.719	4.719.461.148
	5.297.446.719	4.719.643.648

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu phí tư vấn tìm đối tác tiềm năng cho khách hàng	2.061.363.636	-
Thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động công ty mục tiêu của khách hàng	1.175.649.951	-
Khác	40.144.388	-
	3.277.157.975	-

19. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch chứng khoán	2.923.741.983	597.126.015
Chi phí khấu hao	2.852.624.187	1.734.741.923
Chi phí nhân viên	784.423.227	-
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	<i>654.102.727</i>	<i>-</i>
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>130.320.500</i>	<i>-</i>
Chi phí khác	435.260.829	76.695.550
	6.996.050.226	2.408.563.488

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	1.100.243.098	-
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	958.806.589	-
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	141.436.509	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	712.158.358	-
Chi phí khác	305.692.013	-
	2.118.093.469	-

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	9.264.180.946	7.507.534.888
<i>Lương và các khoản phúc lợi</i>	8.799.504.846	6.851.854.288
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp</i>	464.676.100	655.680.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.114.989.398	7.833.496.337
Chi phí khấu hao	941.630.604	881.766.047
Chi phí công cụ, dụng cụ	108.802.050	238.158.397
Chi phí thuế, phí và lệ phí	24.431.048	3.933.643
Chi phí khác	587.960.409	334.083.672
	14.041.994.455	16.798.972.984

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu thu nhập tính thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ trước thuế	(14.715.270.325)	(14.248.734.778)
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	(2.943.054.065)	(2.849.746.956)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	53.182.904	14.016.560
- Chi phí dự phòng	-	61.541
- Lỗ tính thuế chưa ghi nhận	2.890.231.980	2.835.705.355
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận nhận được trong năm không chịu thuế	(360.819)	(36.500)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	-	-

Theo quy định thuế hiện hành, Công ty được phép kết chuyển lỗ vào thu nhập của năm tiếp theo trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có lỗ tính thuế lũy kế là 37.971.142.667 đồng có thể căn trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế VND</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2017 VND</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2017 VND</i>
2013	2018	664.760.499	-	664.760.499
2014	2019	2.566.075.498	-	2.566.075.498
2015	2020	6.110.619.994	-	6.110.619.994
2016	2021	14.178.526.775	-	14.178.526.775
2017	2022	14.451.159.901	-	14.451.159.901
		37.971.142.667	-	37.971.142.667

Các khoản lỗ tính thuế trên được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế mang sang này do không thể chắc chắn sẽ có đầy đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng khoản lợi ích thuế này.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)	Công ty mẹ	Góp bổ sung vốn điều lệ Chi phí môi giới	666.600.000.000 97.078.080	6.000.000.000 95.014.885
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ	Thu lãi tiền gửi Chi phí dịch vụ	3.812.854.771 970.000	3.685.652.907 1.546.000
Ban lãnh đạo	Nhân viên quản lý chủ chốt	Lương và thưởng	3.983.681.283	3.646.865.514

Tại thời điểm cuối năm, số dư với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Công ty Shinhan Investment Corporation (Hàn Quốc)	Công ty mẹ	Phải trả ngắn hạn	17.955.035	8.696.700
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Đồng kiểm soát bởi Công ty mẹ	Tiền gửi không kỳ hạn Tiền gửi có kỳ hạn Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	1.109.339.965 533.500.000.000 1.578.573.611	1.854.332.300 84.635.000.000 1.669.301.458

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê nhà cho nhân viên theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	1.246.070.000	2.393.782.500
Từ 1 đến 5 năm	-	1.246.070.000
	1.246.070.000	3.639.852.500

25. CAM KẾT MUA TRÁI PHIẾU

Trong năm 2017, Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch chứng khoán với một công ty chứng khoán trong nước để được quyền mua trái phiếu của một tổ chức kinh tế trong nước với mệnh giá là 30.000.000.000 VND. Theo đó, Công ty đã đặt cọc cho giao dịch này với tổng giá trị là 910.679.178 VND.

26. RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

26.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh và từ hoạt động tài chính, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh 4 và Thuyết minh 6.



Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.1 *Rủi ro tín dụng* (tiếp theo)

	<i>Không quá hạn và không bị suy giảm VND</i>	<i>Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	586.504.875.450	-	586.504.875.450
Tài sản tài chính khác	5.160.092.044	-	5.160.092.044
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.643.129.176	-	2.643.129.176
Trả trước cho người bán	1.494.095.001	-	1.494.095.001
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	331.489.615	-	331.489.615
Cầm cổ, thế chấp, ký quỹ, ký cư ợc dài hạn	531.780.000	-	531.780.000
Các khoản phải thu khác	13.678.252	-	13.678.252
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.136.490.180	-	168.136.490.180
	759.655.537.674	-	759.655.537.674

26.2 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	4.875.450	586.500.000.000	-	-	586.504.875.450
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	586.500.000.000	-	-	586.500.000.000
Cổ phiếu niêm yết	-	4.875.450	-	-	-	4.875.450
Tài sản tài chính khác	-	-	5.014.172.044	-	-	5.014.172.044
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	2.643.129.176	-	-	2.643.129.176
Trả trước cho người bán	-	-	1.494.095.001	-	-	1.494.095.001
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	331.489.615	-	-	331.489.615
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	531.780.000	-	-	531.780.000
Các khoản phải thu khác	-	-	13.678.252	-	-	13.678.252
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	1.136.490.180	167.000.000.000	-	-	168.136.490.180
Tổng cộng	-	1.141.365.630	758.514.172.044	-	-	759.655.537.674
NỢ TÀI CHÍNH						
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	8.099.440	-	-	-	8.099.440
Chi phí phải trả	-	-	163.293.596	-	-	163.293.596
Tổng cộng	-	8.099.440	163.293.596	-	-	171.393.036
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	-	1.133.266.190	758.350.878.448	-	-	759.484.144.638

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu, tiền gửi, các khoản đầu tư.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	VND <i>Quy đổi VND</i>	Đô la Mỹ <i>Quy đổi VND</i>	Tổng cộng <i>Quy đổi VND</i>
Tài sản			
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.136.490.180	-	168.136.490.180
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	586.504.875.450	-	586.504.875.450
Dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	2.643.129.176	-	2.643.129.176
Trả trước cho người bán	1.494.095.001	-	1.494.095.001
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	2.909.257	328.580.358	331.489.615
Các khoản phải thu khác	13.678.252	-	13.678.252
Tạm ứng	145.920.000	-	145.920.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	746.053.970	-	746.053.970
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	314.996.113	-	314.996.113
Tài sản cố định	26.205.973.828	-	26.205.973.828
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	531.780.000	-	531.780.000
Chi phí trả trước dài hạn	12.800.569	-	12.800.569
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	264.508.219	-	264.508.219
Tổng tài sản	787.017.210.015	328.580.358	787.345.790.373
Nợ phải trả			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	8.099.440	-	8.099.440
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	338.862.538	-	338.862.538
Phải trả người lao động	226.435.000	-	226.435.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	163.293.596	-	163.293.596
Phải trả nội bộ ngắn hạn	17.955.035	-	17.955.035
Vốn chủ sở hữu	786.591.144.764	-	786.591.144.764
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	787.345.790.373	-	787.345.790.373
Tổng trạng thái tiền tệ nội bảng	(328.580.358)	328.580.358	-
Tổng trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-
Tổng trạng thái tiền tệ	(328.580.358)	328.580.358	-

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Rủi ro do sự thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty là không đáng kể.

26.4 *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Trong năm, Công ty thực hiện phân loại lại một số khoản mục thuộc số dư đầu kỳ để trình bày các khoản mục này một cách phù hợp hơn:

Trích từ báo cáo tình hình tài chính

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây) VND</i>	<i>Phân loại lại VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại) VND</i>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			
1. Tài sản tài chính			
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3.353.650	100.635.000.000	100.638.353.650
3. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	100.635.000.000	(100.635.000.000)	-

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ

CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (số liệu đã trình bày trước đây) VND	Phân loại lại VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Giảm/(tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	31.998.179.246	(100.635.000.000)	(68.636.820.754)
Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	(100.635.000.000)	100.635.000.000	-

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động của Công ty sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

Người lập và kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Nhật Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Kwon Hyuk Jun
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2018